TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13- P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/9/2025
V/v: ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Bông, Bà Vũ Thị Thu.

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Đình Lân - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 13- P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- P tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Xuê - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 13- P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 43/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên toà ngày 04/9/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1985; Nơi thường trú: Xóm 1, thôn 1, xã C, thành phố P; CCCD số: 030185011847; *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn*: Ông Hoàng Xuân Tr – Luật sư, Công ty Luật TNHH I, Đoàn luật sư thành phố P; *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- *Bị đơn*: Anh Huỳnh Hữu Đ, sinh năm 1985; Nơi thường trú: 259/3, G, xã M, thành phố A; CCCD số: 094085009487; *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc với Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Hữu Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kế Sách, huyện An Mỹ, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã M, thành phố A) ngày 30/11/2009. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng không cùng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung trong mọi công việc và tình cảm. Chị và anh Đ đã ly thân hơn 10 năm nay, mỗi người một nơi, không quan tâm nhau. Tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không duy trì cuộc sống hôn nhân, không thể tiếp tục kéo dài và hàn gắn được nữa. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Huỳnh Hữu Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Huỳnh Tấn Phát, sinh ngày 20/3/2011. Cháu Phát đang ở cùng với chị tại xóm 1, thôn 1, xã C, thành phố P. Ly hôn, chị có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng con

chung Huỳnh Tấn Phát và tự nguyện không yêu cầu anh Huỳnh Hữu Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, bị đơn anh Huỳnh Hữu Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị O được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn ngày 30/11/2009, đăng ký kết hôn tại UBND xã Kế Sách, huyện An Mỹ, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã M, thành phố A). Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không cùng quan điểm sống. Vợ chồng không thống nhất, không có tiếng nói chung trong mọi công việc và tình cảm. Anh và chị O đã ly thân hơn 10 năm nay, vợ chồng mỗi người một nơi không chung sống cùng nhau, mâu thuẫn trầm trọng, không ai quan tâm đến ai, hôn nhân không đạt mục đích, không thể tiếp tục kéo dài và hàn gắn được nữa. Nay chị O xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị O trình bày là đúng. Cháu Phát đang là học sinh cấp 2 và ở cùng với chị O tại xóm 1, thôn 1, xã C, thành phố P. Anh được biết chị O có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng con chung Huỳnh Tấn Phát và không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh nhất trí.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13- P phát biểu ý kiến: Xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thu thập chứng cứ, của HĐXX và thư ký phiên toà tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn với anh Huỳnh Hữu Đ.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Tấn Phát, sinh ngày 20/3/2011 cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ có quyền thăm nom con chung mà không bị cản trở.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn anh Huỳnh Hữu Đ có nơi thường trú: 259/3, G, An Mỹ, Kế Sách, Sóc Trăng (nay là xã M, thành phố A). Nguyên đơn chị Nguyễn Thị O đăng ký thường trú và hiện đang cư trú tại Xóm 1, thôn 1, xã C, thành phố P. Ngày

23/6/2025, chị Nguyễn Thị O và anh Huỳnh Hữu Đ làm Bản thoả thuận lựa chọn Toà án giải quyết ly hôn, có xác nhận của UBND xã Văn Hội, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương (nay là xã C, thành phố P). Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13- P. Xác định quan hệ tranh chấp về Hôn nhân và gia đình là ly hôn, nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị O, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Hoàng Xuân Tr và bị đơn anh Huỳnh Hữu Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vụ án theo điểm a, b, đ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị O và anh Huỳnh Hữu Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kế Sách, huyện An Mỹ, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã M, thành phố A) ngày 30/11/2009, nên quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh Đ là hợp pháp.

Trên cơ sở lời khai của chị O, anh Đ và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân nhau hơn 10 năm nay, không duy trì mối quan hệ vợ chồng, không quan tâm nhau, cuộc sống của ai người ấy lo. Suốt một thời gian dài ly thân, anh chị không gặp gỡ nhau để tìm biện pháp hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn. Chị O xin ly hôn, anh Đ đồng ý và cùng thoả thuận lựa chọn Toà án nhân dân Khu vực 13- P là cơ quan giải quyết vụ án ly hôn, nuôi con của anh chị. Điều đó cho thấy anh chị không còn sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, đến nay anh chị vẫn tiếp tục sống ly thân bỏ mặc nhau, không còn tình nghĩa vợ chồng. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị O được ly hôn anh Đ là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có một con chung là Huỳnh Tấn Phát, sinh ngày 20/3/2011. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu Phát ở với chị O. Xét thấy lời khai của chị O, anh Đ đều thống nhất để cho chị O tiếp tục nuôi con, chị O tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung, anh Đ đồng ý. Cháu Phát có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với mẹ. Do vậy, HĐXX giao cho chị Nguyễn Thị O tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huỳnh Tấn Phát đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị O là phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của anh chị và phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, vay nợ, công sức: không phải giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b, đ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị O được ly hôn anh Huỳnh Hữu Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Huỳnh Tấn Phát, sinh ngày 20/3/2011 cho chị Nguyễn Thị O tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị O không yêu cầu anh Huỳnh Hữu Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Huỳnh Hữu Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Không phải giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0001943 ngày 18/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố P. Chị Nguyễn Thị O đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 13- P;
- THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- UBND xã Kế Sách, huyện An Mỹ, tỉnh Sóc Trăng (Nay là xã M, thành phố A) (Giấy CNKH số 172 ngày 30/11/2009);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Nhàn